

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2024/HNGĐ-PT**

Ngày: 07-6-2024

V/v: Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huân

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Diệu Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18/3/2024 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐ-PT ngày 02/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐ-PT ngày 22/5/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn 8, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư B– Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: số 164 đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn 8, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phan Thị N; chị Huỳnh Thị Mai T1; anh Huỳnh Đức H, chị Huỳnh Thị Phương A; chị Huỳnh Thị Thanh H1; chị Huỳnh Thị Yến V; cùng địa chỉ: Thôn 8, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Hoàng Thị Như L; địa chỉ: Thôn 2, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk, vắng mặt.

3. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà nguyên đơn ông Huỳnh Đức T trình bày:

Tôi và bà Trần Thị C chung sống với nhau từ năm 1995, do bà C vay nợ nhiều người nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 3/2019 bà C bỏ nhà đi biệt tích không rõ lý do, tôi đã đề nghị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2023/QĐST-VDS ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Sau đó tôi yêu cầu giải quyết ly hôn với bà C theo Bản án số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nay tôi làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và nợ chung. Cụ thể:

+ Thửa đất 1838, tờ bản đồ số 7, diện tích 3295m² tại thôn 8, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đất được cấp Giấy CNQSDĐ số AH 917330 do UBND huyện Krông Ana cấp ngày 09/11/2007 mang tên tôi và bà C. Tài sản trên đất gồm 5 căn nhà và các cây trồng trên đất.

+ Thửa đất số 6130b, tờ bản đồ 23, diện tích 4000m² tại buôn K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy CNQSDĐ số V 577393 do UBND huyện Krông Ana cấp ngày 16/01/2004 mang tên Huỳnh Đức T. Tài sản trên đất gồm 01 nhà kho xây năm 2018 và cây trồng trên đất.

Về nợ chung: Vào ngày 24/12/2018 tôi và bà C có vay Ngân hàng TMCP T-Chi nhánh Đắk Lắk để làm ăn. Sau đó bà C bỏ đi, tôi đã trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng năm 2019 là 180.000.000 đồng, năm 2020 là 190.000.000 đồng, năm 2022 là 210.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ Ngân hàng khởi kiện nên tôi đã vay của bà Hoàng Thị Như L số tiền 2.132.000.000 đồng để thanh toán nợ gốc 1.650.000.000 đồng, lãi suất 481.300.000 đồng vào ngày 29/5/2023. Ngoài ra tôi còn trả nợ cho bà H2 số tiền 208.000.000 đồng nợ gốc và 11.000.000 đồng lãi suất. Tổng cộng tôi đã trả nợ chung với tổng số tiền 2.930.300.000 đồng. Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của tôi và bà C theo hướng giao toàn bộ tài sản trên cho tôi quản lý, sử dụng để tôi có thể bán thanh toán trả nợ, còn lại làm ăn sinh sống, nuôi con.

Bị đơn bà Trần Thị C vắng mặt do đã bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không thu thập được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị N trình bày:

Tôi là mẹ ruột ông T. Sau khi kết hôn thì cả hai vợ chồng cùng tôi sống trên thửa đất 1838 do Xí nghiệp cà phê Việt Đức 3 cấp cho tôi năm 1982, sau đó tôi cho ông T bà C kê khai cấp Giấy CNQSDĐ. Đến năm 2018 ông T bà C xây cho tôi 01 căn nhà cấp 4 diện tích 104,3m² và hàng rào cố định ngăn cách, nhưng vẫn chưa làm thủ tục tách thửa. Nay tôi yêu cầu Tòa án công nhận cho tôi quyền sử dụng phần đất tôi đang quản lý sử dụng, thuộc một phần thửa 1838.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Đức H, chị Huỳnh Thị Yến V, chị Huỳnh Thị Thanh H1, chị Huỳnh Thị Mai T1: Chúng tôi là con của ông T bà C. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung thì chúng tôi đồng ý, đề nghị giao cho ông T 02 thửa đất trên để bán trả nợ.

Tại bản án số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đức T. Giao cho ông T được sử dụng thửa đất số 1838, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.595m² và tài sản trên đất. Tổng giá trị 4.976.327.158 đồng. (Bản án có nêu cụ thể vị trí tứ cận và tài sản trên đất).

Giao cho bà Phan Thị N diện tích 7m x 100m = 700m² nằm trong thửa đất số 1838, tờ bản đồ số 7. Tổng giá trị 1.247.681.333 đồng. (Bản án có nêu cụ thể vị trí tứ cận và tài sản trên đất).

Giao cho bà Trần Thị C thửa đất số 6130b, tờ bản đồ 23. Tổng giá trị 817.094.431 đồng. (Bản án có nêu cụ thể vị trí tứ cận và tài sản trên đất).

Ông Huỳnh Đức T có nghĩa vụ bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà C số tiền 904.466.363 đồng.

Tạm giao phần tài sản đã chia cho bà C cho ông T quản lý, chăm sóc cho đến khi bà C về có trách nhiệm giao lại cho bà C. Ông T được hưởng hoa lợi, lợi tức phát sinh trong thời gian chăm sóc, bảo quản vườn cây.

Ông T, bà Như, bà C có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất theo quy định.

Về án phí: Ông T phải chịu 63.647.800 đồng án phí DSST, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0017696 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, còn phải nộp 53.647.800 đồng. Bà C phải chịu 63.647.800 đồng án phí DSST. Bà Như được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án nêu căn cứ pháp luật, tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26/02/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 115/QĐKNPT-VKS-DS theo hướng hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị và cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thấy rằng:

[1.1] Về việc giao quản lý tài sản: Án sơ thẩm tuyên giao cho bà C thừa đất 6130b, do bà C đang bị tuyên bố mất tích nên tạm giao phần tài sản của bà C cho ông T quản lý, chăm sóc cho đến khi bà C về có trách nhiệm giao lại cho bà C là không đúng theo quy định tại Điều 69 Bộ luật dân sự. Trường hợp này tài sản của bà C được giao cho con thành niên hoặc cha, mẹ của bà C là người mất tích quản lý. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cha mẹ của bà C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định có đồng ý nhận quản lý tài sản của bà C hay không là thiếu người tham gia tố tụng.

[1.2] Về nguyên tắc chia tài sản: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T, bà C tạo lập được 02 thửa đất 1838, thửa 6130b và tài sản trên đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên án sơ thẩm không nhận định hay căn cứ hoàn cảnh, công sức đóng góp trong việc tạo lập và duy trì tài sản của các bên. Tòa án chỉ cho rằng cần giao cho ông T nhiều tài sản hơn để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ chung, nên tuyên chia cho ông T tổng giá trị là 4.071.860.795 đồng, chia cho bà C tổng giá trị tài sản là 1.721.560.794 đồng là không đảm bảo nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn theo Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.3] Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết sơ thẩm, ông T yêu cầu nhận trả toàn bộ các khoản nợ chung của vợ chồng là 2.380.000.00 đồng. Tuy nhiên án sơ thẩm chỉ phân chia tài sản chung, không xem xét đối với yêu cầu nhận trả các khoản nợ chung của ông T là giải quyết chưa đầy đủ yêu cầu khởi kiện, vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về yêu cầu độc lập: Bà Phan Thị N - mẹ của ông T có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận một phần diện tích đất thuộc thửa 1838 mà ông T bà C đã xây dựng cho bà Như. Ngày 31/8/2023 Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập của bà Như. Tuy nhiên quá trình giải quyết sơ thẩm và tại các phiên họp hòa giải công khai chứng cứ, ông T đều không có ý kiến trình bày về việc có đồng ý yêu cầu độc lập của bà Như hay không, Tòa án cũng không thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện ý chí của ông T bà C về việc tặng cho bà Như một phần diện tích thuộc thửa 1838, mà tuyên chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Như là thiếu cơ sở.

[1.5] Về án phí DSST: Án sơ thẩm buộc ông T phải chịu 63.647.800 đồng án phí là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326. Bởi lẽ ông T được chia tổng giá trị tài sản sau khi trừ nghĩa vụ bù chênh lệch cho bà C với số tiền là 4.071.860.795 đồng, không giải quyết về nợ chung, nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.071.861 đồng (Chênh lệch 48.424.061 đồng).

[1.6] Ngoài ra, tại Biên bản nghị án (bút lúc số 104), Hội đồng xét xử quyết định biểu quyết: Buộc ông Huỳnh Đức T có nghĩa vụ bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà Trần Thị C Số tiền 614.466.363 đồng và phải chịu 54.946.000 đồng án phí

dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, còn phải nộp số tiền 44.946.000 đồng. Bà Trần Thị C phải chịu 54.946.000 đồng. Trong khi đó, tại mục 4, 5 quyết định của Bản án sơ thẩm (bút lục 117): Buộc ông Huỳnh Đức T có nghĩa vụ bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà Trần Thị C Số tiền 904.466.363 đồng và phải chịu 63.647.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, còn phải nộp số tiền 53.647.800 đồng. Bà Trần Thị C phải chịu 63.647.800 đồng. Như vậy, có sự mâu thuẫn về số liệu giữa biên bản nghị án và bản án, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy bản án sơ thẩm giải quyết vụ án chưa triệt để, thiếu người tham gia tố tụng, tính sai án phí, thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng quyền và lợi ích của đương sự, nên cần chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, hủy toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được quyết định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Viện kiểm sát kháng nghị nên thuộc trường hợp không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 115/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/02/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Hủy toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được quyết định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- TAND huyện Cư Kuin;
- (kèm theo hồ sơ vụ án)
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng